

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/DS-ST

Ngày: 28 - 01 - 2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Chinh;

Ông Đỗ Việt Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đính - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Long - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2021/QĐST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2021, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị Đ, sinh năm 1961; địa chỉ: Xóm 19, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Đỗ Thị N, sinh năm 1985 và anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1986; địa chỉ: Xóm 19, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1965; địa chỉ: Xóm 19, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14-8-2020 và lời khai trong quá trình tố tụng , nguyên đơn bà Đỗ Thị Đ trình bày:

Bà và vợ chồng chị Đỗ Thị N, anh Nguyễn Văn S là người cùng xóm nên có quen biết nhau. Bà đã cho chị N vay tiền, vàng ba lần nhưng không nhớ chính xác thời gian, cụ thể: Lần 1 cho vay 130.000.000 đồng, lần 2 cho vay 9.000.000

đồng và lần 3 cho vay 3,5 chỉ vàng 9999. Đến ngày 19-02-2019, chị N đã tự viết giấy vay nợ chốt tổng số nợ là 139.000.000 đồng và 3,5 chỉ vàng. Lý do khi vay vàng chị N nói để làm nhà, còn khi vay tiền thì chị N nói để đáo nợ Ngân hàng và chi tiêu gia đình. Giấy vay nợ không ghi thời hạn trả, không ghi lãi suất nhưng hai bên có thỏa thuận miệng thời hạn trả nợ từ 01 tuần đến 10 ngày, lãi suất là 2.000 đồng/triệu/ngày (tức 6%/tháng) nhưng thực tế chị N chưa trả lãi cho bà lần nào. Khi cho vay bà giao tiền, vàng trực tiếp cho chị N nhận, anh S đi làm vắng nhà có biết chị N vay tài sản của bà hay không thì bà không biết. Đến hạn bà đòi nợ nhiều lần nhưng vợ chồng chị N, anh S đều xin khất nợ, khoảng đầu năm 2020 thì hai vợ chồng chị N đi miền Nam làm ăn không liên lạc với bà nữa.

Tại đơn khởi kiện bà Đỗ Thị Đ yêu cầu vợ chồng chị N, anh S liên đới trả nợ cho bà số tiền gốc là 139.000.000 đồng và 3,5 chỉ vàng 9999; vàng thì không yêu cầu tính lãi nhưng số tiền gốc vay bà yêu cầu trả lãi theo mức lãi suất chậm trả do pháp luật quy định tính từ ngày 20-2-2019. Tại phiên tòa bà Đ rút lại yêu cầu trả lãi tính đến ngày xét xử, chỉ yêu cầu tính lãi chậm trả sau khi Tòa án xét xử theo quy định pháp luật.

Bị đơn là chị Đỗ Thị N và anh Nguyễn Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa làm việc, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do các bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án.

Người làm chứng là bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà là người cùng xóm nên có quen biết bà Đỗ Thị Đ và vợ chồng chị Đỗ Thị N, anh Nguyễn Văn S. Bà không nhớ thời gian nhưng trước đây bà Đ có vay bà 3,5 chỉ vàng 9999 và nói với bà vay hộ cho vợ chồng chị N. Sau một thời gian bà Đ nói với bà để cho vợ chồng chị N trả nợ nhưng không thấy trả. Nay bà xác định bà Đ vay thì phải có trách nhiệm trả bà nhưng để hai bên tự giải quyết, còn bà Đ kiện đòi nợ vợ chồng chị N thì bà không liên quan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự, nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không tham gia phiên tòa là chưa chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Đ; buộc chị Đỗ Thị N trả cho bà Đỗ Thị Đ 3,5 chỉ vàng và 139.000.000 đồng tiền gốc, phải chịu lãi chậm trả theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là chị Đỗ Thị N, anh Nguyễn Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N, anh S theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu đòi nợ của nguyên đơn:

[2.1] Nguyên đơn bà Đỗ Thị Đ yêu cầu vợ chồng chị Đỗ Thị N, anh Nguyễn Văn S trả nợ tiền vay gốc là 139.000.000 đồng và 3,5 chỉ vàng 9999. Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là 01 giấy vay nợ viết tay ghi ngày 19-02-2019 với tổng số tiền là 139.000.000 đồng và 3,5 chỉ vàng, có chữ ký của người vay là chị Đỗ Thị N nhưng không có chữ ký của anh Nguyễn Văn S. Bị đơn chị Đỗ Thị N và anh Nguyễn Văn S mặc dù đã được thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Căn cứ Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án căn cứ vào các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án.

[2.2] Theo giấy vay nợ do bà Đỗ Thị Đ cung cấp, lời khai của người làm chứng, kết quả xác minh thu thập chứng cứ của Tòa án có cơ sở xác định bà Đỗ Thị Đ đã cho chị Đỗ Thị N vay nợ nhiều lần, đến ngày 19-02-2019 hai bên đã viết giấy biên nhận chốt tổng số tiền vay là 139.000.000 đồng và 3,5 chỉ vàng, giấy vay nợ chỉ có chữ ký của chị Đỗ Thị N ký tên, anh S không ký. Theo lời trình bày của bà Đ, khi vay chị N nói lý do để làm nhà, đáo nợ ngân hàng và chi tiêu trong gia đình, do anh S đi làm vắng nhà nên bà không yêu cầu ký nhưng sau này bà đòi nợ có gặp anh S thì anh S cũng xin khất nợ cùng với chị N. Tuy nhiên ngoài lời khai của bà Đ thì không có tài liệu, chứng cứ nào khác xác định anh S có biết việc vợ anh là chị N vay số tiền, vàng trên của bà Đ và tài sản chị N vay được sử dụng cho mục đích chung của gia đình; không có tài liệu, chứng cứ nào về việc chị N đã trả nợ số tiền, vàng gốc đã vay trên cho bà Đ. Do đó căn cứ Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Đ về việc đòi nợ đối với chị Đỗ Thị N, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu buộc anh Nguyễn Văn S liên đới trả nợ cùng chị N của bà Đ.

[2.3] Về lãi: Tại đơn khởi kiện bà Đỗ Thị Đ yêu cầu trả nợ lãi đối với số tiền gốc đã vay theo lãi suất chậm trả do pháp luật quy định tính từ sau ngày nhận nợ là ngày 20-02-2019 đến khi trả nợ xong, riêng số vàng đã vay thì không yêu cầu tính lãi. Tuy nhiên tại phiên tòa bà Đ đã tự nguyện rút lại yêu cầu trả lãi tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm, chỉ yêu cầu tính lãi chậm trả sau khi Tòa án xét xử theo quy định pháp luật. Do đó căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố

tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu trên của nguyên đơn.

[3] Về án phí: Chị Đỗ Thị N có nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Đ nên phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tại thời điểm xét xử ngày 28-01-2021, giá vàng trung bình giữa mua vào và bán ra trên thị trường đối với loại vàng 9999 được xác định là 56.300.000 đồng/lượng (tức 5.630.000 đồng/chỉ).

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Đ.

Buộc chị Đỗ Thị N trả cho bà Đỗ Thị Đ số tiền gốc là 139.000.000đ (Một trăm ba mươi chín triệu đồng) và 3,5 (Ba phẩy năm) chỉ vàng 9999.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu trả nợ lãi đối với tiền gốc đã vay của bà Đỗ Thị Đ do rút yêu cầu.

3. Không chấp nhận yêu cầu buộc anh Nguyễn Văn S liên đới trả nợ của bà Đỗ Thị Đ.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Đỗ Thị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 7.935.000đ (Bảy triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Trả lại bà Đỗ Thị Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) theo Biên lai thu số AA/2017/0002330 ngày 07-10-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự: 03 bản;
- TAND tỉnh Nam Định: 01 bản;
- VKSND huyện Hải Hậu: 02 bản;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 01 bản;
- Lưu văn phòng: 01 bản.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Trung Kiên